

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017

V/v không công nhận
là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Đặng Văn Quang.

- Bà: Nguyễn Thị Hồng Thuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 05/2017/TLSTHNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H; Sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện R, tỉnh Đ;

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn T; Sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện R, tỉnh Đ;

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đ, phường L, quận M, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Văn T; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện R. Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà H và ông Phùng Văn T có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi tổ chức đám cưới, ông bà làm ăn sinh sống tại Thôn 4, xã Đ, huyện R. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 16 năm thì tới đầu năm 2015, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau. Ông T thường hay ghen tuông, cờ bạc, đánh đập vợ. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được và ông bà đã ly thân khoảng hai năm nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Phùng Văn T.

Về con chung: Ông bà có với nhau 03 con chung là cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1999; Cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2002; Cháu Phùng Thanh Thủy T, sinh ngày: 18 tháng 4 năm 2009. Bà H yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho ông T chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: 01 lô đất có chiều ngang 8m theo mặt đường trên đất có căn nhà xây cấp 4, 01 xe máy hiệu Nôvô, bà H yêu cầu chia đôi tài sản chung. Ngày 05/4/2017 và tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung cụ thể là bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung do các bên đã tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: Hiện nay bà và ông Tòng đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện R, tỉnh Đ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay, khoản vay này bà H, ông T thỏa thuận trách nhiệm trả nợ cụ thể là ông T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của bị đơn ông Phùng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất về quan hệ hôn nhân như lời trình của bà H; Tuy nhiên, theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà H không chăm sóc gia đình, thường xuyên ra ngoài tụ tập bạn bè, có biểu hiện không chung thủy với chồng nên vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau trong cách sống, suy nghĩ nên có đôi lúc cãi vã, trong lúc nóng giận, không làm chủ được bản thân nên ông có

đánh vợ, hiện tại vợ chồng ông bà đã ly thân hơn hai năm. Qua yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Hoàng Thị H thì ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà H.

Về con chung: Ông T thống nhất như lời trình bày của bà H và ông T yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho ông nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay ông và bà H đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện R, tỉnh Đ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay, khoản vay này ông T nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Tại đơn khởi kiện và các văn bản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày:

Ông T và bà H có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện R, tỉnh Đ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Nay ông T, bà H ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là cơ bản đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T là vợ chồng; Về con chung: giao 03 con chung cho ông T nuôi dưỡng; Về nợ chung buộc ông T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Bà H và ông T đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và có yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Do đó, xét quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T là không hợp pháp. Do đó, cần áp dụng Điều 11, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H; Tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T có 03 con chung là Cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1999; Cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2002; Cháu Phùng Thanh Thủy T, sinh ngày: 18 tháng 4 năm 2009. Xét bà H, ông T đều thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, xét thỏa thuận về trách nhiệm nuôi con, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc của các bên và từ năm 2015 đến nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận về trách nhiệm nuôi con chung và giao 3 con chung cho ông Phùng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện R, tỉnh Đ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Xét yêu cầu của Ngân hàng, thỏa thuận trách nhiệm trả nợ chung của ông T, bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông Phùng Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc bị đơn ông Phùng Văn T phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Phùng Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1999; Cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2002; Cháu Phùng Thanh Thủy T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2009 cho ông Phùng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc bị đơn ông Phùng Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện R, tỉnh Đ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.675.000 đồng tạm ứng án phí bà Hoàng Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003923 ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 5.375.000 đồng tạm ứng án phí.

Buộc bị đơn ông Phùng Văn T phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình